

Bản án số: **42** /2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 28 - 8 - 2017.

V/v tranh chấp: *Ly hôn, nuôi con
giữa chị L và anh K.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM- TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường**- Thẩm phán

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà **Hồ Thị Hồng Liên**

- Ông **Đỗ Đức Lâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **28** tháng **8** năm **2017** tại Hội trường Tổ dân phố 9, Thị trấn LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm lưu động công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 127/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị L** sinh năm: 1985

Địa chỉ cư trú: Thôn 3- xã LN- huyện B- tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Anh **Lại Văn K** sinh năm: 1978

Địa chỉ cư trú: Thôn 3- xã LN- huyện B- tỉnh Lâm Đồng.

(Chị L có mặt tại phiên tòa, anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Lại Văn K trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị L và anh K tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/5/2006, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Chị L và anh K đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có tình cảm; mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được hạnh phúc. Từ tháng 3/2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

- *Về con chung:* Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Lại Thanh N, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Lại Xuân Tr, sinh ngày 24/6/2013. Hiện nay cháu N và cháu Tr đang ở với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi thành niên và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu Tr hàng tháng, mỗi tháng

2.000.000đ. Anh K yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N đến tuổi thành niên và giao cháu Tr cho chị L nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị L và anh K tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị L và anh K đều trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng**: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” với anh Lại Văn K. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lại Văn K vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lại Văn K là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/5/2006, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Chị L và anh K đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có tình cảm; mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được hạnh phúc. Từ tháng 3/2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L; xử cho chị L được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Lại Thanh N, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Lại Xuân Tr, sinh ngày 24/6/2013. Hiện nay cháu N và cháu Tr đang ở với chị L. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh K có nguyện vọng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N đến tuổi thành niên.

Xét thấy: Hiện nay cháu N và cháu Tr còn nhỏ và đang có cuộc sống ổn định với chị L, chị L đang có công việc ổn định; anh K cũng có nguyện vọng được nuôi cháu N nhưng cháu N lại có nguyện vọng muốn được ở với mẹ và mong muốn Tòa án không tách hai chị em người ở với mẹ, người ở với cha. Vì vậy, để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc nhận nuôi cả 02 con chung; giao 02 con chung là cháu Lại Thanh N, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Lại Xuân Tr, sinh ngày 24/6/2013 cho chị L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa hôm nay, chị L yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu Tr hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Tr đủ tuổi thành niên.

Chị L cho rằng anh K có khoảng 3,5ha vườn trồng cà phê, sầu riêng, thu nhập hơn 1 tỷ đồng/năm. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh K phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Tr hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Tr đủ tuổi thành niên là phù hợp;

Về tài sản chung: Chị L và anh K tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Chị L và anh K đều trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Buộc chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Buộc anh K phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với anh Lại Văn K về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*”.

Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lại Văn K.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lại Thanh N, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Lại Xuân Tr, sinh ngày 24/6/2013 cho chị Nguyễn Thị L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Anh Lại Văn K phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lại Xuân Tr hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lại Xuân Tr đủ tuổi thành niên.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lại Văn K tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004769 ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lại Văn K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Đức Trường